

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 04/FES(VN)/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH FES (Việt Nam)

Địa chỉ: Số 11, Đường số 8, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: (0274).3767188 – 3767168 Fax: (0274).3767128.

Website: www.maccoffee.vn.

Mã số doanh nghiệp: 3700605006

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không áp dụng

Ngày Cấp/Nơi cấp: Không áp dụng.

Cơ sở đã có Giấy chứng nhận ISO 22000:2018 (có giá trị đến ngày 17/8/2026) và Giấy chứng nhận HACCP (có giá trị đến ngày 17/8/2026), được nộp kèm theo Bản tự công bố sản phẩm này.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: MacCoffee Café PHỐ cà phê sữa đá Việt Nam.

2. Thành phần: Nước, đường, bột sữa gầy (4,3 %), bột kem, cà phê hòa tan 1,2 %, chất ổn định (471, 460i, 340ii, 407, 466), hương liệu tổng hợp, chất tạo màu caramen nhóm IV tổng hợp (150d), chất điều chỉnh độ acid 500(ii), muối ăn, chất tạo ngọt tổng hợp Acesulfam kali (950).

Thông tin dị ứng: Sản phẩm có chứa sữa (contains milk).

Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Hạn sử dụng (HSD): Xem trên bao bì.
- Ngày sản xuất (NSX): 18 tháng trước hạn sử dụng (HSD).

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1 Quy cách đóng gói:

- Lon có thể tích thực: 235 ml.
- Khay giấy: 24 lon x 235 ml. Khay giấy chỉ dùng làm mục đích vận chuyển.

4.2 Chất liệu bao bì:

Lon nhôm: Sản phẩm chứa trong lon và nắp nhôm ghép kín, đảm bảo yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm theo QCVN 12-3:2011/BYT.



5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):
Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH NIHON CANPACK (VIỆT NAM)
Địa chỉ: Lô F-5-CN, khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia:

- Phù hợp với QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn (Phụ lục I, II).
- QCVN 8-1: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (Mục 1.8, 2.5).
- QCVN 8-2: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (Mục 1.10; 2.22; 3.28; 4.7).

2. Thông tư các Bộ ngành:

- Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư 29/2023/TT-BYT: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

3. Các tiêu chuẩn khác: theo Tiêu chuẩn số 04/FES(VN)/2025 ngày 20/01/2025 (Tiêu chuẩn sản phẩm đính kèm).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 01 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Chinthaka Prabath Nanayakkara
Giám đốc khối sản xuất và vận hành



CÔNG TY TNHH FES (VIỆT NAM)	TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM	Số: 04/FES(VN)/2025
Thực phẩm thường	MACCOFEE CAFÉ PHỐ CÀ PHÊ SỮA ĐÁ VIỆT NAM	Ngày: 20/01/2025

1. Phạm vi:

Áp dụng cho sản phẩm MacCoffee Café PHỐ cà phê sữa đá Việt Nam.

2. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

2.1. *Các chỉ tiêu vi sinh vật:* Phù hợp với QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn (Phụ lục II).

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ml	100
2	Coliform	cfu/ml	10
3	E. coli	cfu/ml	Không được có
4	Streptococci faecal	cfu/ml	Không được có
5	Pseudomonas aeruginosa	cfu/ml	Không được có
6	Staphylococcus aureus	cfu/ml	Không được có
7	Clostridium perfringens	cfu/ml	Không được có
8	Tổng số nấm men và nấm mốc	cfu/ml	10



2.2. *Các chỉ tiêu kim loại nặng:*

- Phù hợp với QCVN 8-2: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (Mục 1.10; 2.22; 3.28; 4.7).
- Phù hợp với QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn (Phụ lục I).

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Asen (As)	mg/l	1
2	Cadmi (Cd)	mg/l	1
3	Thủy Ngân (Hg)	mg/l	0,05

4	Chì (Pb)	mg/l	0,05
5	Thiếc (Sn)	mg/l	150

2.3. Các chỉ tiêu độc tố vi nấm: Phù hợp với QCVN 8-1: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (Mục 1.8, 2.5)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,5
2	Ochratoxin A	µg/kg	10

3. Yêu cầu về dinh dưỡng:

Phù hợp với Thông tư 29/2023/TT-BYT: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố có trong 235 ml	Mức tối thiểu có trong 235 ml (*)
1	Năng lượng	kcal	163	114,10
2	Chất đạm	g	4,25	2,975
3	Carbohydrat	g	28,90	20,230
4	Đường tổng số	g	20,70	14,490
5	Chất béo	g	2,87	2,009
6	Chất béo bão hòa	g	2,51	1,757
7	Natri	mg	148	103,60



Ghi chú (*): Giá trị thực không thấp hơn 70% giá trị công bố trên nhãn

129 mm

166 mm

Authentic Vietnamese Coffee Taste

Hương Vị Cà Phê Việt Nam Đặc Trưng

MacCoffee

MacCoffee

CaféPHỞ

CaféPHỞ

VIETNAMESE
ICED
MILK COFFEE

CÀ PHÊ
SỮA ĐÁ
VIỆT NAM



The tích thực: 235 ml

The tích thực: 235 ml

Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)

Tổng số khẩu phần ăn: 1

Kích cỡ một khẩu phần ăn: 235 ml

Thành phần dinh dưỡng	Trong một khẩu phần ăn	% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu*
Mỡ (Energy)	16,3 kcal	8%
Chất đạm (Protein)	4,25 g	9%
Carbohydrate (Carbohydrate)	28,9 g	9%
Đường tổng số (Total Sugars)	20,7 g	5%
Chất béo (Fat)	2,87 g	5%
Chất béo bão hòa (Saturated Fat)	2,51 g	13%
Natri (Sodium)	14,8 mg	7%

*% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (Nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần ăn 2000 kcal) dành cho người trưởng thành trung bình.

Hướng dẫn sử dụng: Lắc đều trước khi uống, có thể uống lạnh hoặc thêm đá.

Thành phần: Nước, đường, bột sữa gầy (4,3%), bột kem, cà phê hòa tan 12%, chất ổn định (471, 460), 340ii, 407, 466), hương liệu tổng hợp, chất tạo màu caramen nhóm IV tổng hợp (150d), chất điều chỉnh độ acid 500(ii), muối ăn, chất tạo ngọt tổng hợp Acesulfam kali (950).

Thông tin di tích: sản phẩm có chứa sữa (contains milk). Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

Bảo quản sản phẩm nơi khô ráo, thoáng mát và tránh ánh sáng trực tiếp.

Sản xuất tại Việt Nam

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH NINH CAMPACK (VIỆT NAM) Lô F-5-CM, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Chịu trách nhiệm về hàng hóa bởi: Công ty TNHH FES (Việt Nam)

Địa chỉ: Số 11, Đường số 8, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: (+84) 274 3767188 Fax: (+84) 274 3767128

HSD: Xem trên bao bì. NSK: 18 tháng trước HSD.

Theo nhượng quyền của FUTURE ENTERPRISES PTE. LTD.

(A member of Food Empire Holdings Limited)

www.maccoffee.vn

PHONG CHIAK-HIN



936024 24 1261

Quality Product of Food Empire

ISO 22000 - HACCP



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu :	743-2024-00104364	
Mã số kết quả :	AR-24-VD-107697-02-VI / EUVNHC-00281274 - 1	

Công Ty TNHH FES (Việt Nam) Số 11 Đường Số 8, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
--

Tên mẫu :	MacCoffee Café PHỐ Cà phê sữa đá Việt Nam
Tình trạng mẫu :	Mẫu đóng lon kín
Ngày nhận mẫu :	18/07/2024
Thời gian thử nghiệm :	18/07/2024 - 24/07/2024
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	24/07/2024
Mã số PO của khách hàng :	NA9J2407182652
Mã số Eol :	005-32410-304092

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ g	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD711 VD (a) <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	cfu/ g	EVN-R-RD-3-TP-3744 (2021) (Ref. ISO 16266:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
5	VDB84 VD (a) <i>Streptococci faecal</i>	cfu/ g	CMMEF - 5th Ed. 2015 (APHA) - Ch.10	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD340 VD (a) Coliforms	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
8	VD2HJ VD (a) Tổng số nấm men và nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
9	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
10	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
11	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
12	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
13	VD887 VD (a) Thiếc (Sn)	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-5254 (Ref. AOAC 2015.01)	Không phát hiện (LOD=0.1)
14	VD063 VD (a) Ochratoxin A	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5627 (Ref. AOAC International 84.6 2001:1818-1827)	Không phát hiện (LOD=0.5)
15	VD640 VD (a) Aflatoxin M1	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5628 (Ref. ISO 14501:2007)	Không phát hiện (LOD=0.01)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
16	VD020 VD (a) Melamine	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5633 (GC-MS)	Không phát hiện (LOD=0.05)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí MinhLý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 06/09/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 06/09/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

(*Kết quả này thay cho kết quả số AR-24-VD-107697-01/743-2024-00104364, xuất ngày 30/08/2024; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)





KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Công Ty TNHH FES (Việt Nam)

Số 11 Đường Số 8, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa
Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Mã số PO của khách hàng : NA9J2411200808

Mã số mẫu : 743-2024-00173584

Mã số Eol : 005-32410-362454
Tên mẫu : MacCoffee Café PHỐ Cà phê sữa đá Việt Nam
Tình trạng mẫu : Mẫu đóng lon kín
Ngày nhận mẫu : 20/11/2024 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 25/11/2024
Thời gian thử nghiệm : 21/11/2024 - 25/11/2024

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VDERJ VD Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)	g/ 100 ml	FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003; AOAC 991.43	12.3
2	VD297 VD (a) Tro tổng	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-3497 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	0.65
3	VDS54 VD (a) Chất đậm	g/ 100 ml	TCVN 10034:2013; ISO 1871:2009	1.81
4	VDYL7 VD (a) Chất béo	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-3498 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	1.22
5	VD210 VD (a) Độ ẩm	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-3496 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	88.96
6	VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 ml	AOAC 991.43	0.90
7	VD9T0 VD Năng lượng (tính theo Carbohydrat không bao gồm xơ dinh dưỡng)	kcal/ 100 ml	FAO 2003 77	69
8	VD4P0 VD (a) Fructose	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
9	VD4P0 VD (a) Glucose	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
10	VD4P0 VD (a) Lactose	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20)	1.69
11	VD4P0 VD (a) Maltose	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
12	VD4P0 VD (a) Sucrose	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20)	7.10
13	VD4P0 VD (a) Đường tổng	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20)	8.79
14	VD279 VD (a) Natri (Na)	mg/ l	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	630
15	VDSZT VD (a) Chất béo bão hoà	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017; AOAC 996.06)	1.07

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí MinhLý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 25/12/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 25/12/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kiem-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

(*Kết quả này thay cho kết quả số AR-24-VD-176564-01/743-2024-00173584, xuất ngày 05/12/2024; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)





Mã số mẫu / Sample code Nr.: 743-2024-00173584
Mã số kết quả / Analytical Report Nr.: AR-24-VD-176564-02 / EUVNHC-00304771

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Tổng số phần ăn:			
Kích cỡ một phần ăn: 235 ml			
Thành phần dinh dưỡng	Trên một phần ăn		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	163	kcal	8%
Chất đạm (Protein)	4.25	g	9%
Carbohydrate	28.9	g	9%
Đường tổng số (Total Sugars)	20.7	g	
Chất béo (Fat)	2.87	g	5%
Chất béo bão hòa (Saturated Fat)	2.51	g	13%
Natri (Sodium)	148	mg	7%
% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong một phần ăn.			

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo, Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành./ Test results are valid only for test sample. The nutrition facts form is reference only. The customer should update it and comply with regulation currently.